

VĂN PHÒNG THÀNH ỦY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO., LTD.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **340** / QĐ-DK-TCPHC TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành TCCS 11:2026/SP “Xăng không chì pha 10% Etanol”

QUYỀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DẦU KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, về việc chuyển Công ty Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty TNHH một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1022-QĐ/VPTU ngày 24/04/2023 của Chánh Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về việc Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng QLKT&SX.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này TCCS 11:2026/SP “Xăng không chì pha 10% Etanol”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ những văn bản trước đây có nội dung trái với quyết định này.

Điều 3. Trưởng Phòng QLKT&SX, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

TUQ. QUYỀN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3. /
- Lưu VT.



Lý Vĩnh Hòa



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DẦU KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH
(SAIGON PETRO CO.,LTD.)**

Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thông, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39307 037 - (028) 39307 989 Fax: (028) 39307 642

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 11:2026/SP

XĂNG KHÔNG CHÌ PHA 10% ETANOL

Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 11:2026/SP** được Quyền Chủ Tịch Hội đồng Thành viên Công ty sửa đổi, phê duyệt và công bố ban hành theo quyết định số: **340** /QĐ-DK-TCPCHC ngày *12* tháng 05 năm 2026.

Tiêu chuẩn này phù hợp với **Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN** và **QCVN 01:2022/BKHCN** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học và các quy định hiện hành khác.

TCCS 11:2026/SP thay thế **TCCS 11:2025/SP**.

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

XĂNG KHÔNG CHÌ PHA 10% ETANOL

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn cơ sở này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 8,0% đến 10,0% theo thể tích, do Công ty Saigon Petro cung cấp, dùng làm nhiên liệu cho động cơ xăng, ký hiệu là xăng E10.

2. Giải thích từ ngữ, từ viết tắt

- 2.1. RON: Research Octane Number, là trị số octan được xác định bằng phương pháp nghiên cứu.
- 2.2. Xăng E10 Ron 92: là sản phẩm xăng không chì và etanol nhiên liệu biến tính với tỷ lệ ethanol từ 8,0% đến 10,0% theo thể tích, có chỉ số octan nghiên cứu không nhỏ hơn 92.
- 2.3. Xăng E10 Ron 95: là sản phẩm xăng không chì và etanol nhiên liệu biến tính với tỷ lệ ethanol từ 8,0% đến 10,0% theo thể tích, có chỉ số octan nghiên cứu không nhỏ hơn 95.
- 2.4. TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam.
- 2.5. QCVN: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia Việt Nam.
- 2.6. ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội Thử nghiệm Vật liệu Mỹ.
- 2.7. Mức 2, 3, 4 và 5: Là mức chất lượng của xăng E10 phù hợp với Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học ban hành theo Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN ngày 30/04/2026 và QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học ban hành theo Thông tư số 16/2022/TT-BKHCN ngày 15/12/2022, và tương ứng với tiêu chuẩn khí thải mức 2, 3, 4 và 5 quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-TTg về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp ban hành ngày 15/11/2024.

3. Yêu cầu kỹ thuật

- 3.1. Tiêu chuẩn này phù hợp với chất lượng mức 2, mức 3, mức 4 trong Sửa đổi 01:2026 QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học ban hành theo Thông tư số 19/2026/TT-BKHCN ngày 30/04/2026 và QCVN 01:2022/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học áp dụng quy định cho loại xăng E10.
- 3.2. Các chỉ tiêu chất lượng cơ bản và phương pháp thử tương ứng của xăng E10 được quy định trong **Bảng 1**.

Bảng 1- Chỉ tiêu chất lượng của xăng E10

STT	Tên chỉ tiêu	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Phương pháp thử
1	Trị số Octan (RON) theo phương pháp nghiên cứu min	92/95	92/95/97	92/95/97	TCVN 2703 (ASTM D2699)
2	Hàm lượng chì, g/L max	0,005	0,005	0,005	TCVN 7143 (ASTM D3237) TCVN 6704 (ASTM D5059)
3	Thành phần cất phân đoạn: - Điểm sôi đầu, °C max - 10% thể tích, °C max - 50% thể tích, °C max - 90% thể tích, °C max - Điểm sôi cuối, °C max - Cặn cuối, % thể tích, max	Báo cáo 70 120 190 215 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	Báo cáo 70 120 190 210 2,0	TCVN 2698 (ASTM D86)
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50 °C trong 3 giờ, max	Loại 1	Loại 1	Loại 1	TCVN 2694 (ASTM D130)
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100ml, max	5	5	5	TCVN 6593 (ASTM D381)
6	Độ ổn định oxy hóa, phút min	480	480	480	TCVN 6778 (ASTM D525)
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg max	500	150	50	TCVN 6701 (ASTM D 2622) TCVN 7760 (ASTM D 5453) TCVN 3172 (ASTM D4294)
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37,8 °C, kPa, min-max	43 - 75	43 - 75	43 - 75	TCVN 7023 (ASTM D4953) TCVN 11588 (ASTM D5191)
9	Hàm lượng benzen, % thể tích, max	2,5	2,5	1,0	TCVN 3166 (ASTM D5580) TCVN 6703 (ASTM D3606)
10	Hàm lượng Hydrocacbon thơm, % thể tích, max	40	40	40	TCVN 7330 (ASTM D1319) TCVN 3166 (ASTM D5580) TCVN 12015 (ASTM D6839)
11	Hàm lượng Olefin, % thể tích, max	38	30	30	TCVN 7330 (ASTM D1319) TCVN 12014 (ASTM D6296) TCVN 12015 (ASTM D6839)

12	Hàm lượng oxy ⁽¹⁾ , % khối lượng max	5,0	5,0	5,0	TCVN 7332 ASTM D4815)
13	Các hợp chất oxygenat ⁽²⁾				TCVN 7332 ASTM D4815)
	1. Iso-propyl ancol, % thể tích max.	10,0	10,0	10,0	
	2. Iso-butyl ancol, % thể tích max.	10,0	10,0	10,0	
	3. Tert-butyl ancol, % thể tích max.	7,0	7,0	7,0	
	4. Metanol, % thể tích max.	0,3	0,3	0,3	
	5. Ete (nguyên tử C ≥ 5) ⁽³⁾ , % thể tích max. Riêng MTBE, % thể tích, max	15,0 10,0	15,0 10,0	15,0 10,0	
14	Hàm lượng Etanol, % thể tích - Không nhỏ hơn - Không lớn hơn	8,0 10,0	8,0 10,0	8,0 10,0	TCVN 7332 (ASTM D4815)
15	Hàm lượng nước, % thể tích, max	0,2	0,2	0,2	TCVN 11048 (ASTM E203)
16	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m ³	Báo cáo	Báo cáo	Báo cáo	TCVN 6594 (ASTM D1298)
17	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn), mg/l, max	5	5	5	TCVN 7331 (ASTM D3831)

CHÚ THÍCH:

⁽¹⁾: Hàm lượng oxy không lớn hơn 5,0 % khối lượng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

⁽²⁾: Các hợp chất oxygenat có thể dùng ở dạng đơn lẻ hoặc ở dạng hỗn hợp với thể tích nằm trong giới hạn quy định và tổng hàm lượng oxy (bao gồm cả hàm lượng oxy trong etanol nhiên liệu) phù hợp với quy định đối với các loại xăng.

⁽³⁾: Có nhiệt độ sôi ≤ 210 °C.

4. Phụ gia

Các loại phụ gia sử dụng để pha xăng E10 phải đảm bảo phù hợp với các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường và không được gây hư hỏng cho động cơ và hệ thống tồn trữ, vận chuyển, phân phối nhiên liệu.

5. Lấy mẫu

Lấy mẫu thử: Theo TCVN 6022 (ISO 3171) Chất lỏng dầu mỏ - Lấy mẫu tự động trong đường ống và theo quy định hiện hành của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc TCVN 6777 (ASTM D4057) Dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công.

6. Phương pháp thử

Phương pháp thử: Các phương pháp thử ứng với từng chỉ tiêu cho sản phẩm xăng E10 được quy định trong **Bảng 1**.

7. Đóng rót, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản

Theo TCVN 3891.
